

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH,
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 51 /2024/DS-ST

Ngày 16 - 8 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Thông Phi;
- Bà Phan Thị Thắng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Bá Thành – Thư ký TAND huyện Tân Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Linh tham gia phiên tòa:
Ông Đinh Xuân Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2024/TLST-DS, ngày 02 tháng 5 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2024/QĐXX-ST, ngày 23 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1954, nơi cư trú: Xóm 4, thôn 3, xã Đức Bình, huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận;

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc C, sinh năm: 1977, cư trú tại: Xóm 5, thôn 3, xã Đức Bình, huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án,

cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ngày 03/7/2021 âm lịch (trùng ngày 10/8/2021 dương lịch), bà Huỳnh Thị Ngọc C có vay của bà H 05 chỉ vàng 24K, khoảng 02 ngày sau, bà C tiếp tục liên hệ và vay của bà H 10 triệu đồng. Toàn bộ số tiền và vàng này bà H đã đưa cho bà C và bà C có viết giấy xác nhận nợ của bà H. Năm 2022, bà C trả cho bà H 08 triệu đồng, năm 2023, bà C trả cho bà H 07 triệu đồng. Tổng cộng, bà C đã trả cho bà H 15 triệu đồng. Bà H là hàng xóm, láng giềng với vợ, chồng bà C, ông Đ, trong quá trình sinh sống, mọi người đều gọi ông Đ là ông Đיעќ nên khi khởi kiện bà H xác định chồng của bà C tên là Đיעќ. Chính vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc C và ông Võ Hoài Đיעќ phải trả 05 chỉ vàng 24K cho bà Nguyễn Thị H.

Tuy nhiên, vì không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh chồng bà C có liên quan đến khoản nợ này, nên bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ xác định bà C có nghĩa vụ phải trả nợ cho bà H. Bà H không xác định được vào năm 2023, bà C đưa bà H 07 triệu là vào ngày, tháng nào, chính vì vậy bà H chấp nhận xác định giá vàng nhẫn 9999 24K tại thời điểm bà C trả nợ 05 triệu đồng là 6,25 triệu đồng/chỉ, như vậy bà C đã trả 0,8 chỉ nên chỉ còn nợ bà H 4,2 chỉ vàng nhẫn 9999 24K. Do đó, bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện của mình, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị Ngọc C phải trả cho bà Nguyễn Thị Thị Hiền 4,2 chỉ vàng nhẫn loại 24K 9999.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Huỳnh Thị Ngọc C trình bày:

Bà C và ông Võ Hoài Đיעќ là vợ, chồng đang sống chung tại thôn 3, xã Đיעќ Bình, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Bà C thừa nhận có vay của bà H 05 chỉ vàng và 10 triệu đồng, nhưng đã trả được một phần, bà C xác nhận chỉ còn nợ bà H 4 chỉ vàng loại 18K. Về giá vàng, các bên thống nhất xác định giá vàng là 20 triệu đồng, tổng số tiền mà Châu đã trả cho bà H là 17 triệu đồng. Ngoài ra, bà C xác định đã trả lãi cho khoản vay này đến năm 2022 là 60 triệu đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý, tổng đạt các văn bản tố tụng, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa

giải, đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng khác, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ căn cứ để xác định yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H là có căn cứ để chấp nhận một phần, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Huỳnh Thị Ngọc C phải trả cho bà H tài sản vay là 4,2 chỉ vàng 18K, bà C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị Ngọc C phải trả cho bà H tài sản là 4,2 chỉ vàng loại 24K 9999, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Huỳnh Thị Ngọc C có nơi cư trú tại thôn 3, xã Đức Bình, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà H thay đổi yêu cầu khởi kiện, xác định nghĩa vụ trả nợ là nghĩa vụ của cá nhân của bà C, không liên quan đến tổ chức, cá nhân khác. Tại Biên bản lấy lời khai lập ngày 04/6/2024, bà C cũng thừa nhận nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng vay tài sản của bà H trong vụ án này là nghĩa vụ của cá nhân bà C, và ông Đ cũng xác định bản thân ông Đ không biết, không liên quan gì đến khoản vay này, do vậy, Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh xóa tư cách bị đơn của ông Võ Hoài Đức (Võ Hoài Diéc -Theo thụ lý) là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Huỳnh Thị Ngọc C có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử

vắng mặt bà C.

[4] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà H cung cấp tài liệu, chứng cứ là giấy viết tay có chữ ký và đề tên: “*Huỳnh Thị Châu*”, không xác định thời gian lập giấy, có nội dung: “...*mượn của dì Hiền 5 chỉ vàng*”, “...*mượn của dì Hiền 10.000.000...*”. Tại Biên bản lấy lời khai lập ngày 04/6/2024, bà C thừa nhận có vay của bà H 05 chỉ vàng và 10 triệu đồng. Như vậy, đủ căn cứ để xác định bà H có cho bà C vay tài sản là 05 chỉ vàng và 10 triệu đồng.

[5] Đối với lời trình bày của bà C về các nội dung như: Đã trả lãi với số tiền 60 triệu đồng; khi vay các bên thống nhất xác định 5 chỉ vàng được quy đổi thành 20 triệu đồng; đã thanh toán nợ gốc 17 triệu đồng, nhưng thừa nhận không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh là không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong khi đó, bà H chỉ thừa nhận bà C đã trả nợ gốc với số tiền là 15 triệu đồng, gồm hai lần trả vào năm 2022 (08 triệu đồng) và năm 2023 (07 triệu đồng), nên Hội đồng xét xử căn cứ vào sự thừa nhận của bà H để xác định phần nghĩa vụ trả nợ đã thực hiện của bà C.

[6] Bà H xác định loại vàng cho vay là vàng nhẫn 24K 9999, tuy nhiên nội dung giấy viết tay mà bà H cung cấp không thể hiện loại vàng gì, bà H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình, trong khi bà C thừa nhận loại vàng cho vay là vàng 18K, do vậy Hội đồng xét xử xác định loại vàng trong thỏa thuận vay tài sản giữa bà H và bà C là vàng nhẫn 18K theo thừa nhận của bị đơn.

[7] Bà H đề nghị áp dụng đơn giá 6,25 triệu đồng/chỉ vàng để làm căn cứ khấu trừ đối với khoản tiền 05 triệu đồng mà bà C đã thanh toán, tuy nhiên do bà H và bà C đều không xác định được thời điểm trả tiền, trong khi bà H chỉ xác định được thời gian trả tiền là trong năm 2023, do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng đơn giá bình quân của năm 2023 đối với loại vàng nhẫn 18K, đã được xác minh tại Tiệm vàng Kim Minh là 6.150.000 đồng/chỉ làm căn cứ khấu trừ, quy đổi 05 triệu đồng thành vàng là 0,813 chỉ. Sau khi khấu trừ, số vàng mà bà C có nghĩa vụ phải trả cho bà H là 4,187 chỉ vàng nhẫn loại 18K. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ nên được chấp nhận một phần.

[8] Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận một phần nên bà Huỳnh Thị Ngọc

C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào kết quả xác minh giá vàng do Tiệm vàng Kim Minh cung cấp, giá vàng nhẫn loại 18K có giá 4.600.000 đồng/chỉ, quy đổi giá trị tài sản mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn để xác định nghĩa vụ án phí là 4.600.000 đồng/chỉ x 4,187 chỉ = 19.260.200 đồng. Tại phiên tòa, bà H đề nghị được miễn án phí vì đã trên 60 tuổi, áp dụng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, Điều 2 Luật Người cao tuổi, Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí cho bà H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 91, Điều 92, Điều 227, Điều 228 Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật Dân sự;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 Luật Người cao tuổi.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Huỳnh Thị Ngọc C phải trả cho bà Nguyễn Thị H tài sản là 4,187 (*Bốn phẩy một trăm tám mươi bảy*) chỉ vàng, loại vàng nhẫn 18K.

2. Bà Huỳnh Thị Ngọc C phải chịu 963.000 đồng (*Chín trăm sáu mươi ba ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Đình Phú